

CHÚ GIẢI

CHU TRI LỤC

CHU TRI LỤC 1

linh lạc: linh: cây cỏ khô héo; lạc: cây khô lá rụng. Linh lạc: suy bại.

mi hệ: mi: trói buộc, kết liền nhau; hệ: cũng như là trói buộc.

mi phọc: cùng nghĩa như mi hệ (phọc: lấy dây mà buộc).

thúc phọc: buộc lại thành bó (thúc: buộc).

tự nhiên vận động: Sự vận động của vũ trụ theo quy luật như luật cạnh tranh sinh tồn. Nếu để luật đó chi phối vận mệnh thì không thể nói loài người đã thực hiện được xã hội nhân đạo.

bả ác: bả: cầm, nắm; ác: nắm chặt trong nắm tay; bả ác: nắm chắc, nắm giữ chặt chẽ.

xã hội tự tính: xã hội tự tính (société en soi) là một khám phá quan trọng của Thái Dịch Lý Đông A trong vấn đề đặt nền tảng cho xã hội nhân đạo. Nó là đầu mối cho mọi công việc kiến thiết xã hội dân tộc và loài người. Trong xã hội coi là tự thể tính, ba yếu tố nhân chủng, vật chất, tinh thần (tức dân tộc, kinh tế, văn hóa) cùng đều phát triển thì xã hội mới có thăng bằng.

ác hóa: trở thành xấu.

hướng tâm vận động: đó là sự phản tỉnh của nhân loại quay về hình thái dân tộc vận động.

xí đồ (hay xúy đồ): mưu tính.

bộ mệnh: tiếng Mường chỉ việc trai gái tự do kết hôn.

bình sản, kiện khang, kiến chế, tán dục, cơ năng, cương thường: (coi ở Chu Tri Lục 7).

CHU TRI LỤC 2

lý tính: khả năng phân biệt phải trái, đúng sai, khả năng nhận thức tiên thiên (raison).

thực tiễn: thực là chỉ việc xảy ra hẳn hoi, tiễn là dẫm lên; thực tiễn là đứng trên cái thực mà làm.

tung hợp: như chữ tổng hợp (synthèse) thường dùng.

vô giác: còn mê tối, chưa giác ngộ, chưa hiểu rõ chân lý, chưa giác ngộ nhân đạo vì thế mà gây ra khổ ải cho loài người.

đồ bá: tranh bá đồ vương.

huyễn ảnh: (thay vì chữ huyền, nhiều người thường dùng chữ ảo) tức cảnh tượng không thực mà ta tưởng lầm là có thực.

tri hành, chế độ, nhân luân, kinh tế (4 loại vấn đề): biết và làm, phép tắc cai trị, luân lý loài người, chấp hành nhân sinh.

cương lĩnh: dây to ở quanh lưới là cương; cổ áo là lĩnh. Muốn tung lưới phải cầm dây to (cương); muốn mặc áo phải cầm cổ áo (lĩnh). Cương lĩnh chỉ các nguyên tắc chính yếu để làm việc gì, giải quyết vấn đề gì.

hướng thượng: hướng lên trên; ý nói muốn vươn lên cao, không chịu ở thấp.

khuy du: khuy là dòm; du là đào tường khoét ngạch (ăn trộm); khuy du tức là dòm ngó để rình cơ hội ăn cướp, ăn trộm.

sai sử: sai khiến.

trình tự: trình là chặng đường đi. Trình tự là các đoạn đường lần lượt phải đi qua.

thông chứng: các chứng cứ thường thấy và mọi người đã chấp nhận.

di hám: (hám: giận, ăn năn) tức không mãn ý, tiếc hận.

phản hưởng: tiếng dội lại (écho.)

đảng vụ dung kinh: dung là công lao làm lụng; kinh là sách vở. Đảng vụ dung kinh là chỉ chung các nguyên tắc hướng dẫn, làm lụng về công việc đảng.

Cao Thâm Quy Long: Cao nói về vị trí ở trên; Thâm là sâu, bí hiểm; Quy tượng trưng kiến trúc của Rùa và Long chỉ cái mạnh của Rồng. Đó là 4 tầng công tác của Duy Dân: Cao Công tức công tác chính trị; Thâm Công là tình

báo; Quy Công chỉ việc kiến trúc quốc phủ khu, kinh đô, hiến pháp; Long Công chỉ chiến tranh.

CHU TRI LỤC 3

quốc tế biên tế phát triển: phát triển bờ cõi của quốc tế.

lý tắc nhất quán: lý luận nhất trí từ đầu tới cuối; nhất quán: một chuỗi.

tâm lý lập thể: tâm lý chung bắt nguồn từ những nếp sinh hoạt tín ngưỡng và tập quán xưa và nay chìm sâu vào vô thức tập thể của một xã hội.

hưng diệt kế tuyệt: gây dựng lại cái đã bị diệt, nối lại cái đã bị đứt.

tiệp kính: con đường đi nhanh tới.

hữu đức giả hữu thổ: kẻ nào có đức thì có đất (để cai trị).

phổ thiên chi hạ, mục phi vương thổ: khắp cõi đất dưới gầm trời chẳng đâu là không phải của nhà vua.

tuần tuyên văn giáo: đem văn giáo Trung Quốc đi tuyên dương.

thủ tại tứ Di: giữ uy quyền của Trung Quốc ở bốn phương Di Dịch (bằng cách trên).

CHU TRI LỤC 4

Thái Sơn: một trong Ngũ Nhạc thuộc Âm Sơn hệ, khởi từ tỉnh Sơn Đông, Giao Châu Loan, chạy về phương Tây đến Vận Hà. Ngọn cao nhất ở phía Bắc huyện Thái An.

Ngũ Nhạc gồm: Thái Sơn (Đông Nhạc), Hoa Sơn (Tây Nhạc), Hoắc Sơn (Nam Nhạc), Hằng Sơn (Bắc Nhạc), Tung Sơn (Trung Nhạc). Hoắc Sơn là tên xưa của Hành Sơn.

Ngũ Hồ: một thuyết cho Ngũ Hồ là Thái Hồ với hồ phụ cận là Tư Hồ, Lãi Hồ, Thao Hồ, Hách Hồ. Một thuyết cho Ngũ Hồ là: Cống Hồ, Tư Hồ, Du Hồ, Mai Lương Hồ, Kim Đỉnh Hồ.

Ngũ Lĩnh: dãy núi ở phía Nam, làm giới tuyến cho Giao Chỉ (Tiếng của Hán tộc chỉ cõi đất của người Việt) và Hợp Phố. Sách Quảng Châu ký họ Bùi chép: Đại Dữu, Thủy An, Lâm Phụ, Quế Dương, Yết Dương là Ngũ Lĩnh.

Hàng Châu: kinh đô của Nam Tống (1127-1279). Các vua Nam Tống, lánh nạn nước Kim đánh, đặt Hàng Châu làm nơi hành trại gọi là Lâm An Phủ. **Blitzkrieg:** tiếng Đức có nghĩa là thiểm điện chiến, tức chiến tranh chớp nhoáng. **Tàng ư cửu địa chi hạ, động ư cửu thiên chi thượng:** chứa ở dưới chín lớp, động ở trên chín tầng trời (trong 13

thiên của Tôn Ngô Bình Pháp). **Cannao:** trên đất Apulia, 86.000 quân La Mã do Varro chỉ huy tấn công Hannibal, tướng thành Carthage tại đây, và bị tiêu diệt mất 50.000 người (216 trước K.T.)

Sedan: Ngày 1/9/1870, Phổ đánh Pháp đại bại. Hoàng Đế Nã Phá Luân III phải đầu hàng. Trận này chấm dứt nền Đế Chính II (Second Empire) của Nã Phá Luân III. Sau trận này, quân Phổ kéo thẳng vào vây hãm Ba Lê.

Austerlitz: Tại đây ngày 2/12/1805 Nã Phá Luân I đánh bại quân đội của hai nước Nga Áo phối hợp. Sau trận này, Áo xin hòa và Phổ toan gia nhập Liên Minh ấy, cũng xin ký hòa ước với Pháp Nga rồi rút quân về.

CHU TRI LỤC 5

cực hạn tuyến: (extrême limite) giới hạn cùng cực. Có cải tạo để kiến thiết, phải có phá hoại trước. Nhưng phá hoại cũng phải đặt giới hạn trước, không thể vượt qua được. **thác thực quốc sách:** chính sách của quốc gia nhằm mở đất mới cho quốc dân kiếm sống (politique de colonisation). **bộ sậu:** bộ nghĩa đen là bước đi; sậu là bước chạy nhanh của ngựa. Bộ sậu này dùng để chỉ sự việc tiến hành. **tiết thứ:** từng đoạn, từng lượt. **cương lĩnh địch nhân:** (xem Chu Tri Lục 2) **đối trị lệnh:** (xem Tổ Đảng)

CHU TRI LỤC 6

học phương: phương pháp học tập.

duyên trường: kéo dài ra.

phát hoạch: kết quả thâu lượm sau khi tìm tòi, nghiên cứu.

tuyến mục: sợi dây và mắt; đây là những đoạn phân chia quan trọng (mắt) trên một sợi dây chuyên lý luận.

thăng hoa: hiện tượng vật lý khi vật ở cố thể biến thăng thành hơi hoặc ngược lại. Nghĩa bóng là sự đưa lên đến cõi trác tuyệt (cao thượng tuyệt vời). **vô tri:** một cách gọi "bất khả tri luận". **quảng phiếm:** rộng rãi và không rõ rệt. **phần sức:** trang sức cho đẹp thêm. **ngẫu tượng:** bây giờ nhiều người dùng lẫn với thần tượng. **bách chân:** thật là đúng.

CHU TRI LỤC 7

phân bố: chia xẻ mà bày đặt ở từng chỗ cho thích nghi.

thiên kỳ phát triển: phát triển lệch lạc, không đúng lúc.

kim dong tư bản: kim dong: sự lưu hành tiền tệ; trong chế độ tư bản hình thức này, tư bản ngân hàng phối hợp với tư bản công nghiệp bằng cách tín dụng và đầu tư, tạo thành thể độc chiếm bá quyền kinh tế.

viễn độ giáo trình: chương trình giáo dục sắp đặt theo một thứ tự (độ) dài hạn.

thủy tạo, kế tạo, thành tạo: thủy tạo là tạo ra lúc đầu (thiên nhiên). Kế tạo là sửa đổi (cải tạo). Thành tạo là đào luyện đến thành thực.

CHU TRI LỤC 8

quy phạm hành động: phép tắc trong việc làm.

trang dụng: dùng cách nào cốt ý để phô trương.

khởi dụng: dựng lại mà dùng.

quán suốt: suốt một chuỗi, một khâu.

hiển chi nhân tàng chi dụng: làm rõ rệt cái nhân nghĩa, chứa kín cái tác dụng.

độc thiện: làm tốt lấy một thân mình.

đắc ý vong hình, tâm viên ý mãn: được như ý thì quên hình hài, trong lòng dạ được thỏa mãn, hả hê.

CHU TRI LỤC 9

chủ chi: ý nghĩa chủ yếu.

tâm lý bình diện: tâm lý mặt tầng, tức là tâm lý trên tầng ý thức và biểu lộ các hồ tương tác động hiện hữu.

tâm lý lập thể: (xem ở trên).

chauvinisme: chủ nghĩa yêu nước cực đoan, như là mù quáng.

terrorisme hóa: biến thành chế độ khủng bố.

bolchevisme thức: theo kiểu cách của chủ nghĩa bolchevik (đệ tam quốc tế cộng sản).

Taylorisme: chủ trương hợp lý hóa công việc để gia tăng hiệu quả do F.W. Taylor đề xướng ở Mỹ (1900).

Stakhanovisme: chủ trương thi đua làm việc cho thêm hiệu quả và đoạt giải thưởng do A. Stakhanov đề xướng ở Nga năm 1935 cũng nhằm mục tiêu như Taylorisme.

CHU TRI LỤC 11

kinh thường: cùng nghĩa như thường xuyên.

nội tình ngoại chiêu: nội tình: xét trong lòng mình; ngoại chiêu: nhận tội lỗi của mình đối với ngoài.

độ kính: đường đi có phép tắc, cung độ.

hội sư: tập trung các đoàn quân tại một nơi để sửa soạn đánh nhau.

hưng trung thành trực: thẳng thắn thực lòng gây dựng lại.

chưởng ác: cùng nghĩa với bả ác.

Ghi Chú:

Trên đây là phần Chú giải CHU TRI LỤC do Nhà xuất bản Gió Đáy thuộc Duy Dân Học Xã xuất bản lần thứ nhất tại Sài Gòn, Việt Nam năm 1969 (Kỷ Dậu 4848 tuổi Việt).